

Bản án số: **275** /2024/DS-PT

Ngày: 27/9/2024

V/v: “Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phương

Các Thẩm phán: Bà Bùi Lan Hương

Bà Lê Thị Ký

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 116/2024/TLPT-DS ngày 05/4/2024 về việc “Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 183/2024/QĐ-PT ngày 05/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Trọng T, sinh năm 1963.

Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: A Tổ A, ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Võ Thanh P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số C C, ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số C C, ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H ủy quyền cho ông Võ Thanh P làm đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 21/12/2023)

2. Ngân hàng thương mại cổ phần N1.

Địa chỉ trụ sở: A T, Phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ D1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 chi nhánh B (Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2023)

Bà Nguyễn Thị Mỹ D1 ủy quyền lại cho bà Bạch Trần Quý N, Trưởng phòng G thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 chi nhánh B (văn bản ủy quyền ngày 14/12/2023) (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Võ Thanh P.

(Ông T, bà L, ông P có mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

- *Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L trình bày:*

Năm 2007 ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh L1 một phần đất để canh tác, thuộc thửa số 135 diện tích 1.698 m² và thửa số 136 diện tích 815,2 m² cùng tờ bản đồ số 11 tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Ông bà sử dụng ổn định và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 1979 đã có con đường mòn chiều ngang 2 m, chiều dài 20 m do gia đình ông bà và các hộ dân có đất phía trong khai phá để đi vào đất của mình. Vị trí con đường này hiện nay thuộc một phần thửa đất số 134 tờ bản đồ số 11 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Thanh P. Hiện nay ông P đã xây trụ bê tông, trồng cây tràm che mát con đường mà ông bà đã đi suốt nhiều năm qua. Ông bà có đề nghị ông P chừa lại con đường như lúc trước cho ông bà, nhưng ông P nói trên bản vẽ không có con đường nên ông đóng trụ cọc không cho gia đình ông bà và các hộ dân phía trong đi vào đất của mình. Ông bà đã thương lượng với ông P nhiều lần nhưng không thành, một số hộ dân đã tự khai phá tìm lối đi khác vào ruộng rẫy của họ. Riêng vị trí đất của gia đình ông bà, ngoài lối đi ngang qua thửa 134 của ông P thì không còn lối đi nào khác vào 02 thửa đất số 135, 136 của ông bà.

Do đó, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Võ Thanh P mở lối đi có diện tích 52,4 m² được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc thửa tạm số 134b (một phần thửa đất số 134) tờ bản đồ số 11 xã T (theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 4787/2023 ngày 11/9/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh L3) để gia đình ông T, bà L có lối đi vào thửa đất số 135, 136 tờ bản đồ số 11 xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn ông Võ Thanh P trình bày:*

Khoảng năm 2000 ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông L2, khi đó bao xung quanh ông L2 có làm hàng rào bằng cây gai. Từ đó đến nay ông

trồng cây mỳ, trà và cây điều trên đất không ai tranh chấp lối đi. Thời gian trước ông T có đi đường mòn giáp ranh đất của ông, đường mòn nêu trên rộng khoảng 01 m hiện nay vẫn còn. Năm 2002 ông T và bà L có hỏi mua của ông 03 m đất để làm đường đi nhưng ông không đồng ý bán. Sau đó ông T có hỏi mua đất của gia đình ông Ba P1 để làm lối đi. Theo ông được biết khu đất này lúc trước mọi người đi làm thường đi tắt chỗ nào đất trống là đi. Việc ông T cho rằng có con đường 02 m là không đúng. Ông đã sử dụng đất đúng mục đích không lấn chiếm đường đi và sử dụng ổn định từ trước đến nay không có ai tranh chấp, do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L. Đối với giá trị phần đất 52,4 m² mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi theo chứng thư thẩm định giá là chưa phù hợp, thấp so với giá trị hiện nay, tuy nhiên ông không yêu cầu Tòa án tiến hành thẩm định giá lại. Hiện nay ông đang thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 134 tờ bản đồ số 11 xã T để vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần N1 nên ông không thể thực hiện thủ tục tách thửa phần diện tích 52,4 m² mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi nêu trên được.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H:* Thống nhất với ý kiến của bị đơn ông Võ Thanh P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 do bà Bạch Trần Quý N đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Võ Thanh P và bà Phan Thị H đang vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V) chi nhánh B và thế chấp Quyền sử dụng đất thuộc thửa 134 tờ bản đồ số 11 tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp số 406A.15/48.22-KDTM ngày 06 tháng 03 năm 2017. Hợp đồng thế chấp trên đang được đảm bảo cho khoản nợ gốc, lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 168.20/48.22-TD ngày 24 tháng 09 năm 2020 và Hợp đồng tín dụng số 011.23/48.04-KD ngày 17 tháng 01 năm 2023 với tổng dư nợ gốc tại thời điểm ngày 14/12/2023 là 7.750.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề” giữa ông Võ Thanh P và bà Phan Thị H với ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L, Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V) chi nhánh B có ý kiến sau: Tài sản tranh chấp hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V) chi nhánh B để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ của ông Võ Thanh P và bà Phan Thị H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V) chi nhánh B (dư nợ gốc tại ngày 12/12/2023 là 7.750.000.000 đồng). Vì vậy Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V) chi nhánh B chỉ giải chấp tài sản trên sau khi ông Võ Thanh P và bà Phan Thị H thanh toán toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 (V) chi nhánh B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 245, 254, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L về việc “Tranh chấp yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề” đối với bị đơn ông Võ Thanh P.

Buộc bị đơn ông Võ Thanh P mở lối đi cho ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L có diện tích 52,4 m² được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1 thuộc thửa tạm số 134b (thuộc một phần thửa đất số 134) tờ bản đồ số 11 xã T (theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 4787/2023 ngày 11/9/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh L3), có tứ cận: Đông giáp thửa đất số 135, Tây giáp một phần thửa đất số 134, Nam giáp một phần thửa đất số 134, Bắc giáp các thửa đất số 71, 99 và đường đất.

Ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ đền bù cho bị đơn ông Võ Thanh P giá trị quyền sử dụng đất 26.200.000 đồng và giá trị tài sản trên đất 70.000 đồng, tổng cộng là 26.270.000 (hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/2/2024, bị đơn ông Võ Thanh P có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Võ Thanh P đồng ý mở lối đi có diện tích 52,4m² được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 thuộc thửa tạm số 134b (một phần thửa đất số 134) tờ bản đồ số 11 xã T (theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 4787/2023 ngày 11/9/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh L3 cho nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L. Ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L đồng ý đền bù thiệt hại cho ông Võ Thanh P giá trị quyền sử dụng đất 26.200.000 đồng và giá trị tài sản trên đất 70.000 đồng tổng cộng là 26.270.000 đồng, đồng thời ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L tự nguyện chịu chi phí tố tụng gồm chi phí sao lục hồ sơ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản tổng cộng là 17.014.500 đồng.

Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội do đó đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thanh P. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L tự nguyện nộp chi phí tố tụng 17.014.500 đồng, các nội dung khác được tuyên án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh P làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 26, Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Xét về nguồn gốc đất:

- Thửa đất số 135 và 136 tờ bản đồ số 11 xã T huyện L, tỉnh Đồng Nai được tách từ thửa đất số 64 tờ bản đồ số 08 xã T (đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 019769 ngày 17/01/2008 cho chủ sử dụng là ông Huỳnh Trọng T). Sau khi tách thửa, Ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 834457 ngày 14/4/2016 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 11 xã T có diện tích 815,2 m² (loại đất trồng lúa nước còn lại) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 834458 ngày 14/4/2016 đối với thửa đất số 135 tờ bản đồ số 11 xã T có diện tích 1.698,0 m² (loại đất trồng lúa nước còn lại).

- Thửa đất số 134 tờ bản đồ số 11 xã T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 287596 ngày 15/03/2012 cho ông Võ Thanh H1. Ngày 28/10/2016, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh L3 chỉnh lý biên động, xác nhận chủ sử dụng đất cho bà Phan Thị M (hưởng tài sản thừa kế từ ông Võ Thanh H1). Ngày 04/11/2016 ông Võ Thanh D2 và bà Phan Thị M lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 8030,50 m² (loại đất ở và đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 134 tờ bản đồ số 11 xã T nêu trên cho ông Võ Thanh P. Ông P được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh L3 chỉnh lý biên động, xác nhận chủ sử dụng đất vào ngày 09/02/2017.

[4] Căn cứ vào Giấy chứng nhận đã được cấp cho ông Võ Thanh P, thấy rằng việc ông P xây trụ bê tông, trồng cây tràm trên phần đất của ông (thửa 134, tờ 11) là quyền hợp pháp của người sử dụng đất.

[5] Tuy nhiên, căn cứ vào Bản đồ hiện trạng thửa đất số 4287/2023 ngày 11/9/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ – chi nhánh L3, Biên bản xem xét

thẩm định tại chỗ do Toà án huyện Long Thành lập ngày 16/8/2023 thể hiện hiện nay, các thửa đất 135, 136 tờ 11 của ông T, bà L không có lối đi ra đường công cộng. Thửa 135, 136 hiện đang bị vây bọc bởi các thửa 134, 99, 77, 137 và con suối T1. Do vậy, yêu cầu được mở lối đi qua bất động sản liền kề của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự.

[6] Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Toà án huyện Long Thành lập ngày 16/8/2023 thấy rằng việc mở lối đi cho các thửa đất của nguyên đơn qua thửa 134 của bị đơn là thuận tiện nhất.

[7] Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L về việc mở lối đi có diện tích 52,4 m² được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, thuộc thửa tạm số 134b (một phần thửa đất số 134) tờ bản đồ số 11 xã T (theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 4787/2023 ngày 11/9/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh L3) của ông Võ Thanh P là có căn cứ.

[8] Tuy nhiên, khi xét xử vụ án, Toà án cấp sơ thẩm không xác định rõ phần đất 52,4 m² mà ông P phải giao cho nguyên đơn làm đường đi là loại đất gì. Vì thửa đất 134 của bị đơn gồm có đất ở và đất trồng cây lâu năm. Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất loại đất của diện tích cắt ra làm đường cho nguyên đơn là đất trồng cây lâu năm. Xét thấy sự thống nhất này là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm.

[9] Ngoài ra, tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm. Xét ý kiến này là phù hợp nên chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng.

[10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh P. Sửa bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông P không phải chịu án phí.

[12] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh P.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 245, 254, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L về việc “Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề” đối với bị đơn ông Võ Thanh P.

Buộc bị đơn ông Võ Thanh P mở lối đi cho ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L có diện tích 52,4 m² (loại: Đất trồng cây lâu năm) được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1, thuộc thửa tạm số 134b (thuộc một phần thửa đất số 134) tờ bản đồ số 11 xã T, huyện L (theo bản đồ hiện trạng thửa đất số 4787/2023 ngày 11/9/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh L3), có tứ cận: Đông giáp thửa đất số 135, Tây giáp một phần thửa đất số 134, Nam giáp một phần thửa đất số 134, Bắc giáp các thửa đất số 71, 99 và đường đất.

Ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L có quyền và nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L phải đền bù cho bị đơn ông Võ Thanh P số tiền 26.270.000đ (hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó gồm: giá trị đất là 26.200.000 đồng, giá trị tài sản trên đất 70.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L tự nguyện chịu toàn bộ các khoản chi phí tố tụng đã nộp. Ông T, bà L đã nộp xong.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Huỳnh Trọng T và bà Hoàng Thị L phải chịu số tiền 1.313.500 (Một triệu ba trăm mười ba nghìn năm trăm) đồng án phí đối với số tiền đền bù cho bị đơn, được trừ vào số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009472 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông T và bà L còn phải nộp thêm số tiền 813.500 (T2 trăm mười ba nghìn năm trăm) đồng.

Bị đơn ông Võ Thanh P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông P không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông

P số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015300 ngày 05/2/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Phượng